

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

Số: 60 /2023 CV/VCS-QHCĐ

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	2,171,609,954,299	3,337,927,675,870	(1,166,317,721,571)	(34.94)
11	Giá vốn hàng bán	1,582,598,906,422	2,304,958,194,384	(722,359,287,962)	(31.34)
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	589,011,047,877	1,032,969,481,486	(443,958,433,609)	(42.98)
21	Doanh thu tài chính	47,683,791,303	56,225,338,656	(8,541,547,353)	(15.19)
22	Chi phí tài chính	40,686,938,735	52,962,182,271	(12,275,243,536)	(23.18)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	29,079,406,052	22,495,593,226	6,583,812,826	29.27
25	Chi phí bán hàng	73,099,786,477	121,866,229,776	(48,766,443,299)	(40.02)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30,826,868,163	30,825,395,954	1,472,209	0.00
31	Thu nhập khác	512,788,736	509,789,731	2,999,005	0.59
32	Chi phí khác	4,161,649,830	331,134,126	3,830,515,704	1,156.79
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	488,432,384,711	883,719,667,746	(395,287,283,035)	(44.73)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	75,051,039,661	143,016,743,458	(67,965,703,797)	(47.52)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1,176,293,395)	14,665,790	(1,190,959,185)	(8,120.66)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	414,557,638,445	740,688,258,498	(326,130,620,053)	(44.03)



II. Nguyên nhân biến động

Vicostone và các doanh nghiệp nói chung đã trải qua những tháng đầu năm 2023 đầy thách thức, hoạt động sản xuất và kinh doanh gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô toàn cầu. Lạm phát vẫn đang ở mức cao, lãi suất tăng, chi tiêu của các hộ gia đình giảm làm cho doanh thu bán hàng của Công ty bị suy giảm do sản phẩm của Công ty không phải hàng hóa thiết yếu.

Nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh của Công ty theo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 1,166,317,721,571 đồng (34.94%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán giảm.

2. Giá vốn bán hàng giảm 722,359,287,962 đồng (31.34%). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 443,958,433,609 đồng (42.98%).

Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần giảm từ 30.95% (6 tháng đầu năm 2022) xuống 27.12% (6 tháng đầu năm 2023).

3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 8,541,547,353 đồng (15.19%), nguyên nhân:

- Lãi chênh lệch tỷ giá giảm 8,717,152,559 đồng.

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 175,605,206 đồng.

4. Chi phí tài chính giảm 12,275,243,536 đồng (23.18%) do:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 18,859,056,362 đồng.

- Chi phí lãi vay tăng 6,583,812,826 đồng.

5. Chi phí bán hàng giảm 48,766,443,299 đồng (40.02%), nguyên nhân chính:

- Chi phí vận chuyển xếp dỡ, chuyển phát nhanh giảm 46,361,131,327 đồng

- Chi phí đóng hàng giảm 2,365,742,027 đồng.

- Chi phí lương bán hàng tăng 515,722,087 đồng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1,472,209 đồng, nguyên nhân chủ yếu do chi phí lương nhân viên quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định tăng.

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giảm 395,287,283,035 đồng (44.73%), lợi nhuận sau thuế giảm 326,130,620,053 đồng (44.03%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính giảm, chi phí bán hàng tăng.

665
IC T
PH
OST
THAT

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT

hang



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trí Dũng

